

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

THÁI BÌNH

Thái Bình, tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
5. Chiến lược, định hướng phát triển	10
6. Các rủi ro	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
2. Tổ chức và nhân sự	13
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	21
4. Tình hình tài chính	21
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	23
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	24
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	26
1. Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	26
2. Tình hình tài chính	27
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	30
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	30
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc	30
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	31
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
1. Hội đồng quản trị	31
2. Ban Kiểm soát.....	34
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	34
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	36
1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.....	36
2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ	36
3. Báo cáo tài chính được kiểm toán.	36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	6
Bảng 1: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh	12
Bảng 2: Cơ cấu Doanh thu thuần	12
Bảng 3: Cơ cấu chi phí.....	13
Bảng 4: Danh sách Giám đốc và các cán bộ quản lý.....	19
Bảng 5: Cơ cấu lao động tính đến thời điểm 31/12/2020	20
Bảng 6: Tình hình tài chính.....	21
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	22
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2020.....	23
Bảng 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2020.....	23
Bảng 10 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.....	26
Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020.....	27
Bảng 12: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2019 - 2020	28
Bảng 13: Kế hoạch phát triển của Công ty	28
Bảng 14: Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	31
Bảng 15: Kết quả thực hiện năm 2020	32
Bảng 16: Các Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2020	32
Bảng 17: Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát.....	34
Bảng 18: Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Giám đốc, BKS.....	35
Bảng 19: Thống kê giao dịch của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm 2020	35

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	6
--	---

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình
Giấy CNĐKDN số	: 1000219925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 15/09/2009, cấp thay đổi lần thứ 04 ngày 02/01/2019
Vốn điều lệ theo GDKD	: 62.782.590.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 62.782.587.400 đồng
Địa chỉ	: Số 109E, đường Lý Bôn, Xã Phú Xuân, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Số điện thoại	: (0227) 3646 257
Số fax	: (0227) 3647 370
Website	: http://moitruongdothithaibinh.com/
Mã cổ phiếu	: MTB

2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty

Thời gian	Mô tả
08/10/2002	Công ty Môi trường đô thị Thái Bình được thành lập theo Quyết định số 2562/QĐ-UB ngày 8/10/2002 của UBND Tỉnh Thái Bình trên cơ sở chuyển đổi hoạt động của Công ty Thị Chính, được sáp nhập từ Công ty Vệ sinh và Công ty Quản lý công trình công cộng thành doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động công ích trực thuộc UBND Thị xã (nay là UBND Thành phố Thái Bình)
09/06/2009	UBND tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 1229/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Môi trường đô thị Thái Bình thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình và chính thức đi vào hoạt động từ 26/10/2009
05/03/2014	Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 23/BDMPTDN về kế hoạch triển khai kế hoạch cổ phần hóa. Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình
26/12/2014	Công ty đã phối hợp với tổ chức trung gian tài chính là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia để tổ chức buổi bán đấu giá cổ phần lần ra công chúng tại trụ sở của Công ty với tổng số lượng cổ phần chào bán là 606.644 cổ phần, giá khởi điểm 10.000 đồng/ cổ phần. Kết quả đấu giá

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

	<p>như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Số lượng cổ phần bán được tại buổi đấu giá là: 581.900 cổ phần+ Giá đấu thành công bình quân là: 10.000 đồng/cổ phần.
01/02/2015	Công ty đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình
10/02/2015	Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000219925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10/02/2015 với vốn điều lệ là 41.854.730.000 đồng
22/09/2017	Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000219925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10/02/2015 với vốn điều lệ là 41.854.730.000 đồng
Năm 2016	Công ty tăng vốn điều lệ từ 41.854.730.000 đồng lên 62.782.587.400 đồng. Đây là vốn điều lệ bổ sung được hình thành từ tài sản cố định do ngân sách Nhà nước cấp, cụ thể: UBND tỉnh Thái Bình đã giao thêm 2 tài sản là công trình Nhà khung thép mái tôn bao che khu vực xử lý rác của nhà máy xử lý rác và dự án Lò đốt rác 4 tấn/h với tổng giá trị là: 20.927.857.400 đồng. Đến năm 2018, UBND tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 23/05/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình
02/01/2019	Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000219925 thay đổi lần thứ 04 ngày 02/01/2019 với vốn điều lệ là 62.782.590.000 đồng
26/08/2020	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 5239/UBCK-GSĐC
15/10/2020	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 62/2020/GCNCP-VSD, số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký là 6.278.259 cổ phiếu
03/12/2020	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 690/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình
10/12/2020	Cổ phiếu của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình chính thức chào sàn giao dịch Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với MCK: MTB và giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

3. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- **Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống thoát nước, lề đường, công trình công cộng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, trồng hoa, cây cảnh;
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng Nghĩa trang, làm dịch vụ mai táng,....

- **Địa bàn kinh doanh:**

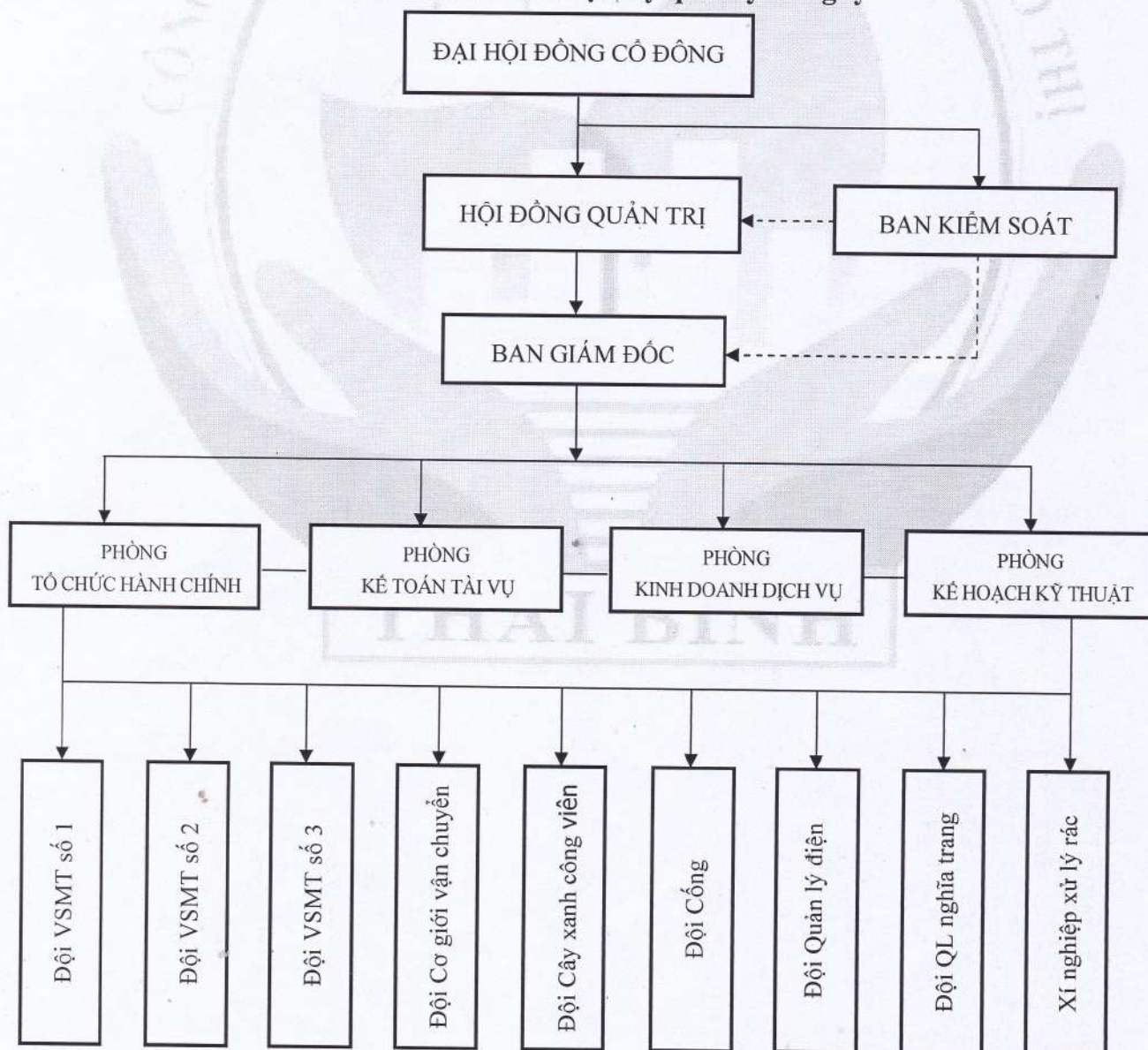
Trên địa bàn thành phố Thái Bình và huyện lỵ lân cận.

4. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

✦ **Mô hình quản trị**

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất và nguyên tắc hoạt động, để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã tổ chức bộ máy chức năng nhiệm vụ và có trách nhiệm quyền hạn cụ thể như sau:

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền: thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát và các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty.
- ❖ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra, thực hiện giám sát Ban Giám đốc và người quản lý quan trọng khác trong việc quản lý và điều hành Công ty. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; thực hiện quyền hạn và chức năng nhiệm vụ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- ❖ **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, để thay mặt cho cổ đông kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan, trung thực tình hình tài chính và mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh, quản trị, điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có ba thành viên, thường trú tại Việt Nam, với nhiệm kỳ 05 năm.
- ❖ **Ban Giám Đốc:** Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Phòng quan hệ làm việc với Ban Giám đốc dựa trên nguyên tắc chấp hành, với tinh thần hợp tác, cùng bàn bạc thống nhất giải quyết công việc nhằm đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ và đúng luật, đúng chế độ.

Các Phòng ban nghiệp vụ, Bộ phận sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Phòng Tổ chức - Hành chính**

Chức năng

- Là bộ phận tham mưu, quản lý các công việc về tổ chức, hành chính, lao động, tiền lương, thi đua khen thưởng, bảo vệ và đời sống.
- Phân công đồng chí Phó Giám đốc phụ trách đời sống trực tiếp quản lý, chỉ đạo

công tác của phòng Tổ chức – Hành chính.

Nhiệm vụ

- Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty về tổ chức quản lý nhân sự; Đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho cán bộ công nhân viên; Chính sách, chế độ tiền lương, tiền thưởng, thôi việc, hưu trí, thai sản, ốm đau, bệnh nghề nghiệp;
- Tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Tham mưu việc xây dựng đơn giá tiền lương hàng năm theo quy định hiện hành; Xây kế hoạch đào tạo, kế hoạch nâng lương, nâng bậc;
- Xây dựng Nội quy, Quy chế Công ty và phổ biến đến người lao động; Kiểm kê đơn đốc các bộ phận trong Công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế Công ty;
- Quản lý công tác chăm sóc sửa khỏe cho người lao động, chăm lo đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Quản lý Công tác văn thư, lưu trữ; Công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự trong Công ty; Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn, vệ sinh lao động;
- Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty.

❖ Phòng Kế toán – Tài vụ

Chức năng

- Là bộ phận tham mưu, thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn về tài chính kế toán, đảm bảo các quản lý hoạt động tài chính của Công ty theo đúng Luật Kế toán và các văn bản hiện hành của Nhà nước.
- Phân công đồng chí Giám đốc Công ty trực tiếp quản lý, chỉ đạo công tác của phòng Kế toán – Tài vụ.

Nhiệm vụ

- Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế ở Công ty;
- Lập Kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn;
- Phân tích và kiểm tra tình hình hoạt động của các loại tài sản, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của Công ty;
- Thanh toán tiền lương và các chế độ khác cho người lao động theo quy định của Công ty và chế độ hiện hành;
- Thanh toán tiền lương và các chế độ khác cho người lao động theo quy định của Công ty và chế độ hiện hành;
- Ghi chép, tính toán, phản ánh số liệu, tình hình luân chuyển và sử dụng tài liệu, vật tư, tiền vốn; Quá trình và kết quả hoạt động SXKD và tình hình sử dụng kinh phí của Công ty;
- Báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh, tài chính thường kỳ theo quy định của Nhà nước; Lập báo cáo thống kê kết quả hoạt động của đơn vị với các cơ quan theo quy định.

❖ **Phòng Kinh doanh – Dịch vụ**

Chức năng

- Là bộ phận tham mưu, thực hiện các nghiệp vụ về công tác kinh doanh dịch vụ của Công ty, đồng thời có vai trò hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc Công ty, tham gia xây dựng các kế hoạch kinh doanh dài hạn và ngắn hạn liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Phân công đồng chí Giám đốc Công ty phụ trách sản xuất kiêm Trưởng phòng Kinh doanh – Dịch vụ.

Nhiệm vụ

- Tham mưu đề xuất Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty về công tác phát triển và quản lý nguồn thu, hướng dẫn công tác chuyên môn nghiệp vụ, các giao dịch liên quan đến công tác kinh doanh dịch vụ của Công ty như: Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; Hợp đồng thuê xe phục vụ hiếu, hỷ; các hợp đồng dịch vụ khác theo Giấy đăng ký kinh doanh và phù hợp với pháp luật;
- Trực tiếp triển khai, tổ chức các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và mục tiêu đề ra;
- Phổ biến, tuyên truyền, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác vệ sinh môi trường đô thị.

❖ **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:**

Chức năng

- Là bộ phận tham mưu, thực hiện các nghiệp vụ về công tác kế hoạch, kỹ thuật, vật tư của Công ty, tham gia xây dựng các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn liên quan đến hoạt động của Công ty.

Nhiệm vụ

- Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty về kế hoạch với cơ quan cấp trên, giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc; Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cho Công ty;
- Kiểm tra giám sát; lập kế hoạch tham gia đấu thầu (nếu có), xây dựng và tham gia xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật; Quản lý nghiệp vụ; Tổng hợp, xây dựng dự thảo kế hoạch chi tiết hoạt động của Công ty theo định kỳ hằng năm;
- Lập dự toán công tác dịch vụ công ích đô thị hàng năm làm cơ sở để cấp trên phê duyệt;
- Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng, chất lượng của hợp đồng dịch vụ công ích đô thị giữa Công ty và thành phố;
- Kiểm tra, xác nhận khối lượng, chất lượng toàn bộ nhiệm vụ dịch vụ công ích đô thị Công ty;

- Kiểm tra, xử lý và áp dụng các công nghệ, dây chuyền sản xuất tiên tiến đảm bảo cho nhiệm vụ, dịch vụ thường xuyên giữ vững được chất lượng và đáp ứng với yêu cầu mới;

- Quản lý hồ sơ kỹ thuật thiết bị xe, máy, lập kế hoạch và thực hiện cung ứng vật tư, dụng cụ sản xuất theo yêu cầu nhiệm vụ.

✦ **Các Công ty con, công ty liên kết:**

❖ **Công ty con**

Không có.

❖ **Công ty liên kết**

Không có.

5. **Chiến lược, định hướng phát triển**

- Tận dụng lợi thế về nguồn vốn, nguồn nhân công, quỹ đất; cùng với kinh nghiệm sản xuất kinh doanh dày dặn nhằm tìm kiếm mở rộng những ngành nghề kinh doanh khác, khai thác triệt để các nguồn lực để tăng lợi nhuận cho Công ty.

- Tập trung đầu tư thích đáng kể cả nguồn nhân lực và máy móc thiết bị duy tu cho lĩnh vực thu gom và xử lý rác thường xuyên với những giải pháp như: Cải tiến kỹ thuật (công nghiệp); cải tiến cơ chế quản lý; tuyển dụng, luân chuyển cán bộ, đào tạo và đào tạo lại lao động để nâng cao năng suất lao động và chất lượng dịch vụ vệ sinh và bảo đảm giữ được đơn đặt hàng của Nhà nước cho Công ty một cách ổn định, lâu dài.

- Chủ động trong công tác tìm kiếm việc làm, chủ trương nắm vững các mối quan hệ công việc trong địa bàn tỉnh, hướng tới phát triển công việc kinh doanh ra địa bàn của địa phương khác, mở rộng quy mô hoạt động Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Trong các hoạt động của Công ty, xem lĩnh vực duy trì VSMT, duy trì đô thị là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty

- Giữ vững thị trường đang hoạt động ổn định: Thành phố Thái Bình đồng thời nghiên cứu chuyển hướng phát triển thị trường sang các huyện, tỉnh lân cận về các mảng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường, dịch vụ đô thị, dịch vụ làm sạch... với giá cả mang tính cạnh tranh;

- Nâng cao chất lượng lao động thông qua tuyển dụng, đào tạo. Tiến hành kiện toàn lại bộ máy Công ty nhằm đạt được hiệu quả công việc cao nhất.

✦ **Các mục tiêu phát triển bền vững**

Từng bước vững chắc đa dạng hóa ngành nghề, đồng thời phải có chính sách nhân sự tốt để tuyển chọn và đào tạo được đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn, từng ngành nghề.

Phát triển sản xuất kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường, hoàn thành các nghĩa vụ với nhà nước.

6. Các rủi ro

✦ Rủi ro kinh tế

Năm 2020 ban đầu được dự báo sẽ là một năm khả quan đối với nền kinh tế Việt Nam, các chỉ số vĩ mô sẽ tiếp tục ổn định, lạm phát và tỷ giá vẫn ở mức kiểm soát được trong khi đầu tư vào cơ sở hạ tầng được gia tăng và lãi suất có cơ hội điều chỉnh giảm. Tuy nhiên, dịch chủng mới của virus corona (nCoV) đã ảnh hưởng rất lớn tới toàn nền kinh tế nói chung. Hệ quả không chỉ ảnh hưởng đến du lịch, hàng không, mà hoạt động sản xuất có thể bị trì trệ, thương mại bị hạn chế, kế tiếp là ảnh hưởng xấu lên các ngành nông nghiệp, bán lẻ và dòng vốn đầu tư quốc tế.

Năm 2020, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 2,91% so với năm trước, đưa Việt Nam vào nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới trong bối cảnh dịch COVID-19 ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, mức tăng GDP 2,91% trong năm nay là mức tăng trưởng thấp nhất của thập kỷ 2011-2020. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP quý 4/2020 tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước. Có được mức tăng trưởng trên là do nhà nước đã kiểm soát chặt chẽ dịch COVID-19, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,69%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,60%, khu vực dịch vụ tăng 4,29%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,07% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2020, tăng trưởng kinh tế cho thấy sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh. Trong đó, quý 1 tăng 3,68%, quý 2 tăng 0,39%, quý 3 tăng 2,69%, quý 4 tăng 4,48%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước đạt 543,9 tỉ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỉ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỉ USD, tăng 3,6%. Năm 2020, Việt Nam xuất siêu 19,1 tỉ USD. Bình quân năm 2020 chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,23% so với năm 2019.

Sang năm 2021, Việt Nam sẽ phải đương đầu với sự bất ổn của kinh tế toàn cầu; các biến thể COVID-19 và những rủi ro các vụ kiện và phòng vệ thương mại sẽ ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam 2021. Bên cạnh đó, kinh tế thế giới còn rất bất định, rủi ro, thách thức từ bên ngoài vẫn đang hiện hữu; xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn khiến cho các tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế có nhu cầu dịch chuyển địa điểm sản xuất để tránh mức thuế cao. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với Việt Nam.

✦ Rủi ro luật pháp

Là một công ty cổ phần đại chúng đang đăng ký giao dịch trên Hệ thống đăng ký giao dịch Upcom, ngoài việc chịu ảnh hưởng dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung. Cùng với đó là sự thay đổi về pháp luật, chính sách liên quan tới nguyên vật liệu, công nghệ,... ngành đường bộ, vận tải sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty.

Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

✦ **Rủi ro đặc thù ngành**

Do đặc thù hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt nên doanh thu của công ty phụ thuộc chủ yếu vào hợp đồng dịch vụ công ích đô thị ký với ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình

Năm 2020 công ty đã ký 03 hợp đồng với UBND Thành phố Thái Bình về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Thái Bình.

1. Hợp đồng số 01/2020/HĐ/CIĐT về công tác duy trì vệ sinh môi trường, xử lý rác thải sinh hoạt năm 2020 trên địa bàn thành phố Thái Bình: **63.755.852.000** đồng

2. Hợp đồng số 02/2020/HĐ/CIĐT về duy trì hệ thống thoát nước đô thị ; quản lý vận hành, sửa chữa, thay thế hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí ; duy trì hệ thống cây xanh đô thị, bảo vệ công viên, quảng trường và một số dịch vụ công ích đô thị khác năm 2020 trên địa bàn thành phố Thái Bình: **30.783.900.000** đồng

3. Hợp đồng số 03/2020/HĐ/CIĐT- thực hiện dịch vụ công ích tại khu vực núi cảnh quan khu công viên sinh thái phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình: **1.526.214.000** đồng

Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng dịch vụ công ích đô thị thành phố Thái Bình theo hợp đồng số 01,02/2020/HĐ/CIĐT quý 1, 2, 3, 4 năm 2020 được ký giữa Ban quản lý dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thành phố Thái Bình cùng các đơn vị chức năng của UBND thành phố và công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình;

Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình báo cáo UBND thành phố, phòng Tài chính kế hoạch thành phố xem xét quyết toán dịch vụ công ích đô thị năm 2020 cụ thể như sau:

Tổng giá trị quyết toán kinh phí ký hợp đồng dịch vụ công ích đô thị năm 2020 theo biên bản nghiệm thu khối lượng dịch vụ công ích đô thị thành phố Thái Bình năm 2020 được ký giữa Ban quản lý dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thành phố Thái Bình cùng các đơn vị chức năng của UBND thành phố và công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình là: **96.686.010.000** đồng. Cụ thể:

+ Theo hợp đồng số 01/2020/HĐ/CIĐT ngày 01/01/2020 và phụ lục hợp đồng số 01/2020/PLHĐ/CIĐT ngày 15/5/2020:

- Giá trị hợp đồng: **66.063.259.000** (đồng)
- Giá trị quyết toán: **65.911.184.000** (đồng)
- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

+ Theo Hợp đồng số 02/2020/HĐ/CIĐT ngày 01/01/2020:

- Giá trị hợp đồng: **30.783.900.000** (đồng)

- Giá trị thực hiện: **30.774.826.000** (đồng)

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%

UBND thành phố đã thanh toán cho công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Thái Bình số tiền là: **75.000.000.000** đồng. Trong đó:

+ Theo hợp đồng số 01/2020/HĐ/CIĐT ngày 01/01/2020 và phụ lục hợp đồng số 01/2020/PLHĐ/CIĐT ngày 15/5/2020 đã thanh toán giá trị là: **50.000.000.000** đồng

+ Theo hợp đồng số 02/2020/HĐ/CIĐT ngày 01/01/2020 đã thanh toán giá trị là: **25.000.000.000** đồng

Nguồn vốn từ kinh phí sự nghiệp môi trường: 50 tỷ đồng và từ kinh phí sự nghiệp kiến thiết thị chính: 25 tỷ đồng được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 3798/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và UBND thành phố giao tại Quyết định 5586/QĐ-UBND ngày 26/12/2019; kinh phí còn thiếu được thanh toán theo nguồn bổ sung kinh phí của UBND tỉnh và khả năng cân đối từ nguồn tăng thu ngân sách nhà nước thành phố năm 2020 (nếu có)

Do ngân sách nhà nước thành phố năm 2020 hụt thu so với dự toán được UBND tỉnh giao nên phần kinh phí còn thiếu của các hợp đồng số 01/2020/HĐ/CIĐT với giá trị là: **15.911.184.000** đồng và kinh phí còn thiếu theo hợp đồng số 02/2020/HĐ/CIĐT là **5.774.826.000** đồng, công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Thái Bình có trách nhiệm trình UBND tỉnh Thái Bình, Sở Tài chính Thái Bình xin cấp bổ sung kinh phí. Do đó khả năng được cấp kinh phí bổ sung còn thiếu phụ thuộc vào UBND tỉnh Thái Bình

⚡ **Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 1: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 (triệu đồng)	Thực hiện 2020 (triệu đồng)	TH 2020/TH 2019
1	Tổng doanh thu	108.816	89.006	81,79%
2	Lợi nhuận trước thuế	4.025	2.005	49,81%
3	Thuế TNDN	810	281	34,69%
4	Lợi nhuận sau thuế	3.215	1.724	53,62%

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Bảng 2: Cơ cấu Doanh thu thuần

ST T	Cơ cấu Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Dịch vụ công ích	80.046	73,88	69.274	78,58
2	Cung cấp dịch vụ	28.288	26,12	18.879	21,42
	Doanh thu thuần	108.334	100	88.153	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

Bảng 3: Cơ cấu chi phí

STT	Cơ cấu chi phí	Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	97.405	89,91	80.428	91,24
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.310	6,75	6.573	7,45
3	Chi phí khác	76	0,07	0,0975	0
	Tổng cộng	104.791	96,73	87.001,10	98,69
	Doanh thu thuần	108.334	100	88.153	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty)

2. Tổ chức và nhân sự

➤ Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng 4: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2	Vũ Đình Hành	Thành viên Hội đồng quản trị	
3	Trần Xuân Huyền	Thành viên Hội đồng quản trị	
4	Trịnh Duy Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị	
5	Phạm Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên : Nguyễn Thị Lan
Số CMND : 150813026 cấp ngày 19/04/2007 tại CA tỉnh Thái Bình
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 15/5/1967
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 28 Phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 13.500 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình : 4.586.959 cổ phần, chiếm 73,06% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan : 3.000 cổ phần (Con trai Trần Ngọc Toàn)
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
02/1989 - 01/1994	Kế toán Công ty CP xuất khẩu Cói Thái Bình
02/1994 - 02/2003	Nhân viên Đội Cây xanh công viên, Công ty Môi trường đô thị Thái Bình
3/2003 - 3/2009	Kế toán Xí nghiệp xử lý rác, Công ty Môi trường đô thị Thái Bình
4/2009 - 9/2012	Đội trưởng Đội VSMT 2, Công ty Môi trường đô thị Thái Bình

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

10/2012 - 01/2015	Kiểm soát viên, Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Thái Bình
02/2015 - 4/2017	Trưởng Ban kiểm soát, Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình
5/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình

2. Họ và tên : **Vũ Đình Hành**

Số CMND : 151031461 Ngày cấp 27/08/2009
Nơi cấp: Thái Bình

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 05/04/1957

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Chỗ ở hiện tại : Tổ 21, P. Tiên Phong, TP Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 396.500 cổ phần, chiếm 6,32% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 1996-2002	Kế toán trưởng Công ty môi trường đô thị Thái Bình
Năm 2002-2012	Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty môi trường đô thị

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

	Thái Bình
T8/2012-T2/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV môi trường và công trình đô thị Thái Bình
T2/2015-T4/2017	Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình
T5/2017 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình

3. Họ và tên : **Trần Xuân Huyền**

Số CMND : 012434431 Ngày cấp: 02/04/2011
Nơi cấp: CA Hà Nội

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 22/10/1967

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Chỗ ở hiện tại : Số nhà 312 Lê Thánh Tông, P. Bồ Xuyên, TP Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng – ĐH xây dựng

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc, trưởng phòng kinh doanh dịch vụ

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 23.100 cổ phần, chiếm 0,368% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Quá trình công tác:

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

Thời gian	Quá trình công tác
T9/1993 - T7/1997	Cán bộ kỹ thuật Công ty cầu 13 Thăng Long
T8/1997-T12/1999	Kỹ sư giám sát Ban điều hành dự án cầu Hàm Rồng-tổng công ty xây dựng Thăng Long
T1/2000-T12/2004	Kỹ sư giám sát Ban điều hành dự án cầu Yên Lệnh-tổng công ty xây dựng Thăng Long
T1/2005-T4/2006	Kỹ sư giám sát Tổng công ty xây dựng Thăng Long
T5/2006-T3/2008	Kỹ sư giám sát-PGD công trường cầu Thanh Trì Tổng công ty xây dựng Thăng Long
T11/2008-T3/2012	Cán bộ kỹ thuật phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty TNHH MTV môi trường & CT đô thị Thái Bình
T4/2013-T7/2013	Phó trưởng phòng kế hoạch Công ty TNHH MTV môi trường & CT đô thị Thái Bình
T8/2013-T1/2015	Trưởng phòng kế hoạch Công ty TNHH MTV môi trường & CT đô thị Thái Bình
T2/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc, trưởng phòng kinh doanh dịch vụ- Công ty cổ phần môi trường & CT đô thị tỉnh Thái Bình

4. Họ và tên : **Trịnh Duy Hiền**

Số CMND : 034081005621 cấp ngày 17/11/2016 tại Cục Cảnh sát

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/05/1981

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Chỗ ở hiện tại : Thôn Lạc Chính, xã Vũ Chính, TP Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc,

Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 00 cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 11.000 cổ phần, chiếm 0,175% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
6/2006 - 4/2011	Cán bộ định mức Công ty Môi trường đô thị Thái Bình
5/2011 - 01/2015	Phó phòng Tổ chức Hành Chính Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Thái Bình
02/2015 - 3/2017	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình
4/2017 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình

5. Họ và tên : **Phạm Minh Tuấn**

Số CMND : 034073007830 Ngày cấp: 08/04/2019
Nơi cấp: Cục CS QLCT&DLQG

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/03/1973

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Chỗ ở hiện tại : 3/12 Vọng Cung, Tổ 24, Phường Đề Thám, Tp Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Viện Đại học mở Hà Nội

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 00

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 17.600 cổ phần, chiếm 0,28% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
T7/1998-T7/2003	Nhân viên Công ty Môi trường đô thị Thái Bình
T8/2003-T9/2004	Kế toán Xí nghiệp xử lý rác - Công ty Môi trường đô thị Thái Bình
T10/2004-T04/2011	Kế toán Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Thái Bình
T05/2011-T07/2013	Phó trưởng phòng kế toán Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Thái Bình
T08/2013-T12/2015	Trưởng phòng kế toán Công ty Cổ phần môi trường và CT đô thị tỉnh Thái Bình
T2/2015 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần môi trường và CT đô thị tỉnh Thái Bình
T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần môi trường và CT đô thị tỉnh Thái Bình

◆ Danh sách Ban điều hành

Bảng 5: Danh sách Giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Đình Hành	Giám đốc	
2	Trần Xuân Huyền	Phó Giám đốc	
3	Trịnh Duy Hiên	Phó Giám đốc	
4	Phạm Minh Tuấn	Kế toán trưởng	

Sơ yếu lý lịch của thành viên Ban điều hành

Ông Vũ Đình Hành – Giám đốc

Như trình bày tại mục sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trần Xuân Huyền – Phó Giám đốc

Như trình bày tại mục sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Duy Hiên – Phó Giám đốc

Như trình bày tại mục sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phạm Minh Tuấn – Kế toán trưởng

Như trình bày tại mục sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị

⚡ **Những thay đổi trong Ban điều hành:**

Không có.

⚡ **Số lượng cán bộ, nhân viên**

Bảng 6: Cơ cấu lao động tính đến thời điểm 31/12/2020

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1. Phân loại theo trình độ lao động	376	100%
- Đại học và trên Đại học	46	12,23%
- Cao đẳng	15	3,99%
- Lao động đã qua đào tạo tại trường công nhân kỹ thuật, trung cấp, dạy nghề và đào tạo sơ cấp	35	9,31%
- Lao động phổ thông	280	74,47%
2. Phân theo giới tính	376	100%
- Nam	190	50,53%
- Nữ	186	49,47%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

❖ **Chính sách đối với người lao động**

Tại Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình, nguồn lực con người được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương, thưởng, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Công ty cũng đã thực hiện triển khai phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác quy hoạch cán bộ, tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn cao, qua đào tạo đảm bảo hội tụ những yêu cầu về trình độ học vấn, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển, ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực môi trường đô thị.

❖ *Chính sách đào tạo*

Công ty có chính sách đào tạo cán bộ nhân viên hằng năm nhằm đáp ứng với tốc độ phát triển của nền kinh tế và của Công ty. Đặc biệt, chú trọng đào tạo cán bộ nhân viên có trình độ cao về kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị, đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển của nhân viên.

Đảm bảo chính sách đãi ngộ cho người lao động công khai, minh bạch, công bằng, chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả công việc nhằm tạo động lực để người lao động sáng tạo trong công việc, gắn bó lâu dài với công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tạo tinh thần thi đua học hỏi, không bình quân chủ nghĩa, đa dạng hóa hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ liên quan đến người lao động có chuyên môn giỏi, trình độ cao.

❖ *Chính sách lương thưởng, trợ cấp*

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2020, Công ty không có đầu tư thực hiện các dự án lớn.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Không có.

4. Tình hình tài chính của Công ty

4.1 Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2019 và năm 2020

Bảng 7: Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm 2019
1	Tổng giá trị tài sản	86.076	79.135	(8,06%)
2	Doanh thu thuần	108.334	88.153	(18,63%)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.029	1.987	(50,68%)
4	Lợi nhuận khác	(4)	18	/
5	Lợi nhuận trước thuế	4.025	2.005	(50,18%)
6	Lợi nhuận sau thuế	3.215	1.724	(46,37%)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	58,59%	54,62%	(6,78%)

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của MTB)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 8: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ NH)	Lần	1,45	2,14
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,40	1,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	27,01	18,43
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	37,00	23,21
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	63,37	13,10
Doanh thu thuần/Tổng TS	Lần	1,28	1,07
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,97	1,96
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,12	2,74
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,79	2,09
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/DTT	%	3,72	2,25
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	5,12	2,75

(Nguồn: Tính toán dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 và năm 2020 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 6.278.259 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.278.259 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 00 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông

⚡ Cơ cấu cổ đông

Bảng 9: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2020

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	373	6.278.259	100%
1.1	Tổ chức	01	4.586.959	73,06%
1.2	Cá nhân	372	1.691.300	26,94%
2	Cổ đông nước ngoài	00	00	00%
2.1	Tổ chức	00	00	00%
2.2	Cá nhân	00	00	00%
3	Cổ phiếu quỹ	00	00	00%
Tổng cộng		373	6.278.259	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình tại thời điểm ngày 31/12/2020)

⚡ Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2020

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

STT	Tên cổ đông	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	UBND Tỉnh Thái Bình		76, Lý Thường Kiệt, P. Lê Hồng Phong, TP Thái Bình	4.586.959	73,06%
2	Vũ Đình Hành	151031461	Tổ 21, P. Tiên Phong, TP Thái Bình	396.500	6,32%
3	Lương Việt Cường	011626794	Số nhà 52 Bích Châu, P. Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	368.900	5,87%
Tổng cộng				5.352.359	85,25%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình tại thời điểm ngày 31/12/2020)

✚ **Danh sách cổ đông sáng lập:**

Công ty không có cổ đông sáng lập.

5.3. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Ngày 10/02/2015, Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000219925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10/02/2015 với vốn điều lệ là 41.854.730.000 đồng. Kể từ thời điểm chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình thực hiện 1 lần tăng vốn từ 41.854.730.000 đồng lên 62.782.587.400 đồng. Đây là vốn điều lệ bổ sung được hình thành từ tài sản cố định do Ngân sách nhà nước cấp. Cụ thể năm 2016, Công ty đã được UBND tỉnh Thái Bình giao thêm 2 tài sản là công trình Nhà khung thép mái tôn bao che khu vực xử lý rác của nhà máy xử lý rác và dự án Lò đốt rác 4 tấn/h với tổng giá trị là: 20.927.857.400 đồng. Đến năm 2018, UBND tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 23/05/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình. Việc tăng vốn này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000219925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 02/01/2019 với vốn điều lệ làm tròn là: 62.782.590.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không
- b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên liệu vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong năm giá trị: Không
- b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức: Không

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Nguồn năng lượng tiêu thụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là: điện cho sinh hoạt khối văn phòng.

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c) Báo cáo các sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.4. Tiêu thụ nước

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước chủ yếu được sử dụng để phục vụ cho hoạt động của khối văn phòng
- b) Tỷ lệ phần trăm tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 376 người
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 6.330.000 đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách đào tạo

Nhìn chung, Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, cơ bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác, tăng trưởng.

Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề trực tiếp tại các đơn vị bạn có trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, đây là chính sách nổi bật của chiến lược quản lý phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

c) Chính sách lương thưởng, trợ cấp

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Hỗ trợ hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm, cán bộ công nhân viên trong Công ty đã khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trên các mặt công tác.

Công tác tìm kiếm công ăn, việc làm cho người lao động; mở rộng thị trường được lãnh đạo công ty quan tâm thực hiện.

Các Dự án đầu tư xây dựng được quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt, kịp thời cơ bản các dự án thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ hiệu quả. , điểm số từng bước được nâng cao và duy trì; tỷ lệ cơ giới hóa trong thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng ngày càng cao, qua đó đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng công việc; góp phần vào việc thực hiện SXKD đạt hiệu quả, phần vốn Nhà nước tại công ty được bảo toàn.

Tiến hành rà soát lại trụ sở làm việc và ưu tiên những việc cần phải thực hiện trước như trang bị các thiết bị làm việc, cài đặt phần mềm phục vụ công tác lập dự toán,

Công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động được quan tâm thực hiện; Công tác đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động được thực hiện đầy đủ, đúng quy định; đời sống người lao động từng bước được nâng lên.

❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 11 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.334	88.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.334	88.153
4. Giá vốn hàng bán	97.405	80.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.929	7.725
6. Doanh thu hoạt động tài chính	410	835
7. Chi phí tài chính	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-
8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.310	6.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	4.029	1.987
11. Thu nhập khác	72	18
12. Chi phí khác	76	0,00975
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	(4)	18
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	4.025	2.005
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	810	281
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	3.215	1.724
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	300	275
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	300	275

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của MTB)

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020

TÀI SẢN	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2020 (triệu đồng)	%2020/2019 (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	33.785	31.192	92,33%

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

Tiền và các khoản tương đương tiền	23.457	10.196	43,47%
Các khoản phải thu ngắn hạn	8.112	9.755	120,25%
Hàng tồn kho	1.297	10.979	846,49%
Tài sản ngắn hạn khác	918	262	28,54%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	52.292	47.943	91,68%
Tài sản cố định	52.135	47.786	91,66%
Tài sản dở dang dài hạn	156	156	100,00%
Tài sản dài hạn khác	-	-	/
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	86.076	79.135	91,94%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của MTB)

2.2. Tình hình nợ phải trả

Bảng 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2019 - 2020

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2019 (triệu đồng)	31/12/2020 (triệu đồng)	%2020/2019 (%)
A. NỢ PHẢI TRẢ	23.249	14.583	62,73%
I. Nợ ngắn hạn	23.249	14.583	62,73%
1. Phải trả cho người bán	5.146	5.393	104,80%
2. Người mua trả tiền trước	259	167	64,48%
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	852	215	25,23%
4. Phải trả Người lao động	7.681	3.492	45,46%
5. Phải trả ngắn hạn khác	5.889	4.113	69,84%
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.422	1.202	35,13%
II. Nợ dài hạn	-	-	/

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của MTB)

2.2. Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý

Rà soát lại các Nội quy, Quy chế để sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của công ty tại mọi thời điểm, bố trí sử dụng lao động hiệu quả, rà soát và sắp xếp lại lực lượng lao động hiện có từ lao động quản lý đến lao động trực tiếp cho phù hợp với tình hình SXKD trong năm 2020. Xem xét xây dựng mô hình Công ty ổn định lâu dài về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Đề ra các biện pháp thi công hợp lý, khoa học, triệt để tiết kiệm trong hoạt động SXKD, thường xuyên phân tích đánh giá để lãnh đạo Công ty kịp thời có những quyết sách đúng đắn.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, chống lãng phí.

2.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bảng 14: Kế hoạch phát triển của Công ty

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2020
Vốn điều lệ (triệu đồng)	62.789	62.789	100%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	88.153	85.412	96,89%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.724	936	54,29%
Tỷ suất LNST/DTT (%)	1,96	1,09	55,61%
Tỷ suất LNST/VĐL (%)	2,75	1,49	54,18%
Cổ tức (%/MG)	1,5%	1,0%	66,67%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

✦ Căn cứ để đạt được kế hoạch đề ra

- Tiếp tục thường xuyên duy trì công tác vệ sinh môi trường, xử lý hết lượng rác trong ngày do thu gom vận chuyển từ Thành phố về Xí nghiệp xử lý rác. Tiếp tục phối hợp với các phường trong việc triển khai công tác thu gom rác thải bằng xe cơ giới đảm bảo theo đúng yêu cầu đề ra;
- Tiếp tục xây dựng định mức lao động để khoán cho các đơn vị còn lại, đảm bảo mục tiêu trong năm 2021 sẽ khoán khối lượng công việc đến tất cả các đơn vị sản xuất trong Công ty;
- Chủ động khơi hút hệ thống cống thoát nước, hố ga, cửa xả. Hệ thống máng dọc 2 bên vỉa hè đảm bảo việc tiêu thoát nước, hạn chế tình trạng ứ đọng nước thải sinh hoạt gây ngập úng cục bộ, góp phần giữ gìn vệ sinh môi trường;
- Tăng cường chăm sóc phát triển cây xanh, bảo quản cây đường phố. La tía cây xanh trên địa bàn Thành phố để hệ thống cây xanh phát triển tốt, góp phần đảm bảo an toàn giao thông và an toàn hệ thống cây xanh trong mùa mưa bão. Cải tạo một số bồn hoa, tiểu cảnh, thảm cỏ trên địa bàn Thành phố tạo vẻ đẹp cảnh quan đô thị;
- Ban chấp hành Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phục vụ công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang đô thị, trang trí đường phố phục vụ Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, phục vụ ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, các ngày lễ, tết trong năm;

- Thường xuyên sửa chữa nâng cấp một số hạng mục công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị vỉa hè, cống thoát nước, công viên, điện chiếu sáng công cộng và một số hạng mục tại Xí nghiệp xử lý rác bị hư hỏng xuống cấp đảm bảo khai thác vận hành quản lý sử dụng các công trình có hiệu quả đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác VSMT đảm bảo mỹ quan đô thị;
- Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn trong năm, đặc biệt những nhiệm vụ đột xuất được cấp trên giao, đóng góp công sức cùng các cấp, các ngành sớm đưa thành phố Thái Bình thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

2.4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) *Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:*

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong các lĩnh vực như: vận chuyển, xây dựng công trình, phá dỡ, lắp đặt hệ thống lò sưởi, điện,..., góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Người lao động tại Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Thực hiện tốt công tác an ninh trật tự hỗ trợ người nghèo tại địa phương nơi đơn vị đóng quân; công tác đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện. Duy trì chăm lo động viên tinh thần với đơn vị kết nghĩa, ủng hộ của quỹ người nghèo, lũ lụt ...

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức với thiên tai dịch bệnh, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình giao cho. Thu nhập người lao động ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông. Thành phố Thái Bình có một diện mạo mới: đường phố ngày càng khang trang, xanh – sạch – đẹp; điện chiếu sáng công cộng đã chiếu sáng phần lớn các tuyến phố, ngõ xóm; cây hoa, thảm màu được trồng trang trí theo mùa; các công trình phúc lợi công cộng khang trang sạch đẹp, văn minh.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã bám sát các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT, linh hoạt trong điều hành để đưa công ty vượt qua được những thử thách khó khăn trong năm 2020.

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành môi trường đô thị, trong năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh như sau:

- Chỉ đạo sát sao hơn nữa đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chủ chốt của Công ty: cung ứng dịch vụ công ích;
- Nâng cao và ổn định chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường;
- Cân đối giữa nguồn thu và chi để đáp ứng đủ nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Bảng 15: Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tính đến ngày 31/12/2019	Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0,22%	0
2	Vũ Đình Hành	Thành viên Hội đồng quản trị	6,32%	0
3	Trần Xuân Huyền	Thành viên Hội đồng quản trị	0,368%	0
4	Trịnh Duy Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị	0,175%	0
5	Phạm Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	0,28%	0

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

⚡ **Những thay đổi trong HĐQT**

Không có.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

⚡ **Kết quả thực hiện năm 2020**

Bảng 16: Kết quả thực hiện năm 2020

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh với KH năm	So sánh với thực hiện 2019
1	Vốn điều lệ	62.782	62.782	62.782	100%	100%
2	Doanh thu thuần (triệu đồng)	108.334	104.676	88.153	84,22%	81,37%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	3.215	3.408	1.724	50,59%	53,62%
4	Lợi nhuận sau thuế/DTT (%)	2,97	3,25	1,96	60,31%	65,99%
5	Lợi nhuận sau thuế/ VĐL (%)	5,12	5,42	2,75	50,74%	53,71%

Doanh thu thuần năm 2020 đạt 84,22% so với kế hoạch đề ra.

⚡ **Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2020**

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 05 thành viên. Các thành viên HĐQT hiện nay đa số đều là thành viên kiêm nhiệm chức danh trong Ban Giám đốc của Công ty nên có thuận lợi và thống nhất ý chí và đoàn kết cùng chung vai gánh vác nhiệm vụ chung về sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều tuân thủ điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, ban hành đầy đủ nghị quyết sát thực tế và giao nhiệm vụ cho ban điều hành triển khai thực hiện; đảm bảo giám sát chặt chẽ, toàn diện hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất để ban hành các Nghị quyết cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các Nghị quyết quan trọng đã được thông qua như sau:

Bảng 17: Các Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2020

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua

CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH

1.	Số 14/2020/NQ-HĐQT	10/6/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 và thưởng cho cán bộ, công nhân viên Công ty và các cá nhân có đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019	100%
2.	Số 15/2020/NQ-HĐQT	10/6/2020	Thông nhất bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng Công ty	100%
3.	Số 21/2020/NQ-HĐQT	17/6/2020	Thông nhất thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019	100%
4.	Số 21/2020/NQ-HĐQT	17/6/2020	Nhất trí giới thiệu nhân sự về công tác cán bộ để bổ nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty	100%
5.	Số 28/2020/NQ-HĐQT	01/9/2020	Về việc đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch Upcom	100%
6.	Số 29/2020/NQ-HĐQT	28/9/2020	Thông nhất ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nghĩa trang nhân dân Thành phố Thái Bình	100%
7.	Số 30/2020/NQ-HĐQT	03/11/2020	Thông nhất điều chỉnh đơn giá tiền lương ngày đối với lao động gián tiếp, bộ phận bảo vệ và công nhân lao động của các đơn vị trực thuộc Công ty	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

Các cuộc họp đều được ghi biên bản, các vấn đề quan trọng đều được HĐQT ra nghị quyết kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc. Giám đốc thường xuyên chủ động báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành. Hội đồng quản trị đã cùng Ban Giám đốc thảo luận, bàn bạc để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả.

Việc thực hiện chức năng giám sát Ban Giám đốc: Có sự thống nhất giữa HĐQT và Ban điều hành.

Các hoạt động của Ban Giám đốc tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Bảng 18: Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 31/12/2020	Ghi chú
1	Đỗ Thị Thủy	Trưởng ban	0,032%	
2	Đình Thị Đức Hạnh	Thành viên	0,07%	
3	Nhâm Thị Hồng Hạnh	Thành viên	0,076%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp Ban kiểm soát: 04 cuộc họp trong năm 2020

Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao đúng theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp, bao gồm các nội dung hoạt động sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua;
- Theo dõi, đánh giá tình hình tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị;
- Rà soát các quy chế quản lý nội bộ đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc theo các quy định của Pháp luật và Công ty;
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm;
- Kiểm tra quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đối với HĐQT và Ban giám đốc;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều hưởng thù lao tại Công ty, định mức chi phí của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định.

Bảng 19: Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Giám đốc, BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
I – Tiền chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT	36.000.0000	36.000.000
2	Vũ Đình Hành	TV HĐQT kiêm Giám đốc	30.000.000	30.000.000
3	Nguyễn Thanh Xuân	TV HĐQT	25.000.000	-
4	Trịnh Duy Hiên	TV HĐQT	30.000.000	30.000.000
5	Phạm Minh Tuấn	TV HĐQT	30.000.000	30.000.000
6	Trần Xuân Huyền	TV HĐQT	30.000.000	30.000.000
7	Đỗ Thị Thủy	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
8	Định Thị Đức Hạnh	TV BKS	24.000.000	24.000.000
9	Nhâm Thị Hồng Hạnh	TV BKS	-	14.000.000
Tổng cộng			235.000.000	224.000.000
II – Tiền lương Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT	218.087.481	226.798.040
2	Vũ Đình Hành	TV HĐQT kiêm Giám đốc	172.110.092	178.348.476
3	Trần Xuân Huyền	TV HĐQT	129.512.376	134.725.855
4	Trịnh Duy Hiên	TV HĐQT	134.783.520	138.703.396
5	Phạm Minh Tuấn	TV HĐQT	128.002.910	131.242.714
6	Nguyễn Thanh Xuân	TV HĐQT	108.410.195	-
7	Đỗ Thị Thủy	Trưởng BKS	93.056.654	95.232.634
8	Định Thị Đức Hạnh	TV BKS	48.593.649	70.549.683
9	Nhâm Thị Hồng Hạnh	TV BKS	-	65.620.257
Tổng cộng			1.032.556.877	1.041.221.055

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn

Bảng 19: Thống kê giao dịch của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu trước GD	Số cổ phiếu sở hữu sau GD	Tỷ lệ %	Lý do
I – Giao dịch của cổ đông nội bộ						
1	Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT	157.500	13.500	0,22%	Bán
2	Vũ Đình Hành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	320.500	396.500	6.32%	Mua

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình)

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC, Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2020. Các thủ tục kiểm toán thay thế chỉ thực hiện được với khoản mục tài sản cố định. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2020 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <http://moitruongdothithaibinh.com/>.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD chứng khoán Hà Nội;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.

Thái Bình, ngày 19 tháng 04 năm 2021
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN THỊ LAN